

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 8/7/2025.

*“Yêu cầu phân chia tài sản
chung để thi hành án”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Nhân; Ông Lê Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1449/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2025/QĐXX-ST ngày 5 tháng 5 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1981; địa chỉ: C tổ A ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976;

2.2. Bà Phan Thị Kim P1, sinh năm 1978;

Cùng cư trú: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11 – An Giang); trụ sở: ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang). Có văn bản xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn trình bày: Theo bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, tuyên ông Nguyễn Hữu T có

nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh P số tiền vốn vay 250.000.000đồng và tiền lãi 59.507.000đồng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông làm đơn yêu cầu thi hành án. Theo thông báo số 988/TB- THADS ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Nay yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T được hưởng trong khối tài sản chung giữa ông T với bà P1 diện tích 339m², thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04053 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim P2, đất tọa lạc ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Phan Thị Kim P3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T bà P2 vẫn không đến Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đất của người phải thi hành án là ông Nguyễn Hữu T trong khối tài sản chung với bà Phan Thị Kim P1 đối với diện tích 339 m² thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04053 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim P2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P. Ông Nguyễn Hữu T được sở hữu ½ diện tích 339 m² thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04053 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim P2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: theo đơn khởi kiện của ông P yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đất của người phải thi hành án là ông Nguyễn Hữu T trong khối tài sản chung với bà Phan Thị Kim P1 đối với diện tích 339 m² thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17. Căn cứ khoản 12 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là *tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông T, cư trú xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang). Căn cứ khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông T bà P1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11 – An Giang đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11 – An Giang (có yêu cầu vắng mặt) theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình thi hành án, do chưa xác định được phần quyền sử dụng đất của ông T nên Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo nhưng các bên không thỏa thuận được cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Chấp hành viên đã thông báo cho ông Trần Thanh P có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông T được hưởng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, ông P đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông T được hưởng trong khối tài sản chung với bà P1 đối với diện tích 339 m² thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04053 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim P2 là phù hợp quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc sử dụng đất:

Đối với diện tích 339 m² thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04053 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim P2. Nguồn gốc đất do cha mẹ sử dụng từ năm 1975 đến năm 2000 cho lại ông T, bà P2. Về tài sản trên đất qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thì phần đất trống, tại bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 7/3/2025 của Công ty TNHH M (thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5).

[2.2] Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015 thì diện tích 339 m² thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17

theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04053 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim P2. Nguồn gốc đất do cha mẹ sử dụng từ năm 1975 đến năm 2000 cho lại ông T1 bà P2. Theo biên bản định giá tài sản ngày 21/02/2025 đất có giá 70.000 đồng/m². Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ để chấp nhận và xác định diện tích 339m² là tài sản chung của ông T bà P2, mỗi người được sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung.

[3]. Về chi phí tố tụng: căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự, ông T có nghĩa vụ nộp số tiền 1.600.000 đồng tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để hoàn trả cho ông P.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận nên ông P được hoàn lại số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0023790 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11 – An Giang) cấp ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng giá trị tài sản ông T được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản là

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối 339 m² thuộc tờ bản đồ số 93, thửa đất số 17 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH04053 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim P2 là tài sản chung của ông Nguyễn Hữu T và bà Phan Thị Kim P1, mỗi người được sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung.

Về chi phí tố tụng: số tiền 3.226.000 đồng (do ông P tạm nộp) ông Nguyễn Hữu T phải chịu. Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Thanh P số tiền 3.226.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 594.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Thanh P được hoàn lại số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0023790 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An

Giang cấp ngày 10 tháng 12 năm 2024 (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11 – An Giang).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11;
- VKSND khu vực 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình